

Ngôn ngữ ngậm ngùi – phần 1

Lê Hữu



Giữ thơm quê mẹ, thư pháp Trữ Vũ

*“Tiếng nước tôi,
bốn ngàn năm ròng rã buồn vui”
(Tình ca, Phạm Duy)*

Một người bạn, qua Mỹ năm 1975, kể với tôi rằng, thành phố gia đình anh định cư trong năm đầu có rất ít người Á châu. Mỗi lần thoáng trông thấy một cái “đầu đen” nào là anh ta chạy ngay đến để xem thử có phải là người Việt không. Một hôm, trên đường phố, bất chợt anh ta nghe một tiếng nói quen thuộc cất lên. Tiếng Việt Nam. “Một cái đầu đen,” anh ta la lên, chạy bay đến trước mặt người đàn ông vừa thốt ra thứ tiếng ấy, nắm chặt hai vai, lắc lắc: “Việt Nam à? Tôi cũng Việt Nam đây!” (Anh ta không nói “tôi cũng là người Việt Nam đây!”). Người đàn ông cũng tỏ ra vui sướng không kém. Hai người quần lấy nhau, tíu ta tíu tít như hai người bạn thân lâu ngày gặp lại và cùng tuôn ra một tràng tiếng Việt, mặc cho những người bản xứ đi qua đi lại nhìn chăm chăm hai người, ngạc nhiên vì một thứ ngôn ngữ “ lạ tai”. Nỗi khát khao bị dồn nén lâu ngày, vỡ ra, ùa ra. Anh bạn tôi không cần biết người đàn ông nói tiếng Việt kia là ai, ở đâu ra, vì sao lại có mặt nơi đây(?). Không cần biết, chỉ cần... nói tiếng Việt. Thế là đủ.

Anh bạn tôi thèm được nghe, thèm được nói thứ ngôn ngữ ấy, cái mà anh ta thiếu thốn, khao khát đã lâu. Anh ta đi tìm chút “quê hương trong tiếng nói”. Cái cảm xúc ấy chỉ đến với anh ta một, hai lần sau đó, và không bao giờ trở lại nữa. Nơi anh ta

sống bây giờ có khá đông người Việt, có khá nhiều “đầu đen”. “Người Việt ‘phức tạp’ quá!” anh ta nói, nhún vai.

Đây là chuyện của anh bạn tôi. Chuyện của tôi thì có hơi khác một chút. Năm đầu đến Mỹ, tôi có cái vui gặp lại những người bạn cũ. Một ông bạn, sau ít câu thăm hỏi chuyện gia đình, hỏi tôi:

“Con trai ông tên gì?”

“Hữu Nghị.”

“Bộ hết tên rồi hay sao mà đặt cái tên gì ghê vậy?”

“Ông nói ‘ghê’ là ghê làm sao?” tôi hỏi.

“Thì ‘từ Việt cộng’ chứ còn ‘làm sao’ nữa,” người bạn phang một câu xanh rờn.

Từ VC! Không phải là lần đầu tôi nghe cái “từ” 1 này, bèn có một sự phản kháng:

“Thứ nhất, ông muốn tôi đặt tên gì khác bây giờ? Cả nhà tôi, mấy anh em trai đều là Lê Hữu... gì gì đó, Phước, Lộc, Tài, Đức..., đến đời thằng con tôi thì cũng phải cho nó cái ‘Hữu...’ gì chứ! Thứ hai, tôi đã *plan* cái tên ấy từ trước năm 75, vì muốn thằng con đi về... ngành ngoại giao. Việt cộng đâu có phải là người ‘phát minh’ ra cái chữ ấy, và cũng đâu có ‘độc quyền’ cái chữ ấy. Tiếng Việt là tài sản chung của người Việt mà.”

Người bạn nín thính, cũng không tỏ dấu hiệu nào là có “nhất trí” 1 hay không.

“Hữu Nghị”, cái tên ấy, hai chữ ấy (và những chữ khác nữa) tự nó không có lỗi gì cả. Vậy mà tội nghiệp, nó đã bị ghét bỏ một cách oan uổng, chỉ vì... “ghét ai ghét cả tông chi họ hàng”. Tâm lý này khá phổ biến và có thể hiểu được. Ghét người nào là ghét cả cái nhà cái xe, cái chần cái chiếu, con chó con mèo... của người ấy. Nhiều người cảm thấy “ghét” chữ này chỉ vì thường đọc/nghe trên “báo, đài” 1 nào là “Tình *hữu nghị*” thăm thiết môi hở răng lạnh”, nào là “Chúc cho tình *hữu nghị* truyền thống giữa nhân dân hai nước đời đời bền vững, mãi mãi xanh tươi”... vân vân và vân vân. Nghe mà để... ghét.

1. Tiếng Việt trong nước

Ông bạn tôi (và khá nhiều người như thế) chỉ suy nghĩ đơn giản, hoặc chỉ lặp lại những gì ông ta nghe người khác nói, thành thử nhiều khi nói mà... không biết mình nói cái gì.

Sau này, mỗi khi bị “truy chụp” 1 là dùng “từ Việt cộng”, tôi tìm được cách giải thích khác, gọn hơn: “Ông thử lật tự điển tiếng Việt trước năm 75 của miền Nam ra xem, nếu có chữ này thì ông không thể gọi là ‘từ VC’ được.”

Tuy nhiên, lời giải thích ấy không phải lúc nào cũng “có sức thuyết phục” 1, lắm người không cần biết chữ ấy có hay không có trong tự điển “phe ta”, hể tiếng nào “đối phương” sính dùng (nhất là dùng không đúng, nghe chướng tai, hoặc có vẻ “đao to búa lớn”) thầy đều là... “từ VC”. Những đối tượng ấy kể cũng hơi... khó nói chuyện (ngày trước gọi là “không có tinh thần đối thoại”).

Tội nghiệp cho những con chữ ấy, nằm yên ổn trong những trang sách tự điển từ bao nhiêu năm, nay bỗng nhiên bị nắm đầu lôi cổ ra tố khổ một cách oan uổng, như là những kẻ... nằm vùng. Vai trò của chữ nghĩa xưa nay vốn độc lập, không nghiêng bên này ngã bên kia, vậy mà nay lại bị gọi lên “làm việc” 1, tra vạ: “Anh theo bên nào?”

Những từ ngữ Hán-Việt như “hữu nghị”, “khẩn trương”, “tranh thủ”, “động viên”...

không mới mẻ, lạ lẫm gì với người dân miền Nam trước năm 1975. Nếu có khác là khác về cách diễn nghĩa và cách sử dụng. Ở miền Nam ngày trước ta vẫn nghe:

“Thủ tướng chính phủ vừa ký quyết định ban hành tình trạng *khẩn trương* trên toàn

lãnh thổ...”, hoặc “*Tranh thủ* nhân tâm (hay ‘*tranh thủ* sự ủng hộ của dư luận thế giới’ / ‘*tranh thủ* một nền hòa bình công chính’) là một trong những mục tiêu hàng đầu của công tác đấu tranh chính trị”, hoặc “Phái đoàn đến thăm viếng ủy lạo và *động viên* tinh thần binh sĩ”.

“Nhân dân *cách mạng* Việt Nam *vùng đứng lên cùng thế giới*”

Vai chen vai bên nhau mưu cuộc giải phóng giống nòi...”

Những câu hát ấy ở trong bài “Nhân dân cách mạng Việt Nam”, nhạc sĩ Hùng Lô sáng tác ở trong Nam, cho thấy những từ ngữ “nhân dân”, “giải phóng”... không phải là “độc quyền” của người Việt ng oài Bắc.

Nói đi thì cũng nói lại, hai chữ “đồng bào” không phải là “độc quyền” của người Việt trong Nam. “Tôi nói *đồng bào* nghe rõ không?” người Việt ngoài Bắc từng nghe câu ấy cách nay hơn sáu mươi năm. Vì sao người ta không chịu xài hai tiếng “thân thương” 1 đầy... “tinh ruột thịt nghĩa đồng bào” ấy nữa lại là... chuyện khác. Dẫn ra các ví dụ trên để thấy rằng tiếng Việt là của người Việt, không có Bắc Trung Nam chi cả, và chỉ vì duyên cớ nào đó mà đem lòng oán ghét những “từ” này “từ” nọ thì kẻ cũng bắt công và tội tình cho chữ nghĩa. Hãy trả ngôn ngữ về vị trí độc lập như nó đã từng.

Trong phạm vi bài này, để cho dễ gọi (và để không phải lặp lại nhiều lần “trước/sau năm 1975”), xin được tạm dùng những “cụm từ” 1 sau:

- “Tiếng Việt trong nước”: tiếng Việt đư ợc sử dụng trong cả nước hiện nay.
- “Tiếng Việt ngoài nước”: tiếng Việt đư ợc người Việt định cư ở nước ngoài (trước và sau năm 1975) sử dụng.
- “Tiếng Việt cũ”: cách nói hoặc từ ngữ đư ợc sử dụng ở miền Nam trước năm 1975.
- “Tiếng Việt mới”: cách nói hoặc từ ngữ thay cho “tiếng Việt cũ”, đư ợc sử dụng ở trong nước hiện nay.
- “Miền Nam thuở trước”: miền Nam Việt Nam trước năm 1975.

Những cách gọi này có tính cách tương đối, giai đoạn (do những biến động của lịch sử), và chỉ sử dụng trong phạm vi bài này.

Từ đây trở đi, trong bài sẽ không có những chữ nghĩa như “từ VC”, “tiếng Saigon”... hoặc những phê phán kiểu “xưởng đẽ”, “chiến sĩ gái”, “Công ty chất đốt thanh niên”, “Cửa hàng thịt tươi sống phụ nữ”... ngụ ý cười nhạo sự què mùa của người sử dụng ngôn ngữ. Què mùa không phải là cái tội, chỉ là sự thua thiệt do không có may mắn đư ợc đến trường đến lớp để “tiếp thu” 1 những kiểu cách văn minh lịch sự.

Theo đà tiến hóa, chắc chắn là những cách nói ấy sẽ không tồn tại. Ông cha ta ngày xưa ít đư ợc học hành đến nơi đến chốn, hầu hết đều đi từ “chân quê” đến văn minh thành thị. Có người Việt nào lò dò đặt chân đến nước Mỹ lần đầu mà không... ngáo ngáo, chỉ khác là không bị người bản xứ cười nhạo (và chỉ ít lâu sau đó là bắt đầu có sự phân biệt kẻ đến trước, người đến sau, trong lúc đều cùng một thân phận tha hương, ăn nhờ ở đậu, không lấy gì làm vẻ vang).

Ngôn ngữ là tài sản chung của dân tộc, chắc không ai phủ nhận điều này. Ngôn ngữ là sản phẩm của con người, chứ không... làm nên con người. Tiếng Việt cũng không ra khỏi lẽ ấy. Tiếng Việt dùng chung cho cả nước. “Người phát minh” ra tiếng Việt không hề có ý định cấp giấy phép cho “bên” nào đặc quyền sử dụng; vì vậy,

thiết tưởng ta cũng không nên làm cho tiếng Việt–ngôn ngữ của nước ta –trở nên “phức tạp” 1.

Nếu ta có thể “nhất trí” được với nhau, tiếng Việt là những “tiếng” được ghi lại trong các bộ tự điển tiếng Việt của cả miền Bắc lẫn miền Nam thuở trước (tất nhiên những bộ tự điển này luôn cần được bổ sung) thì không có chữ nào, tiếng nào là độc quyền của “bên” nào. Bên nào xài cũng được, miễn là chịu khó xài cho đúng.

1.1. Chữ và nghĩa

Ngôn ngữ tự nó không có lỗi gì cả. Hoặc nếu có, chỉ là ở nơi người sử dụng chúng. Thế nhưng, như thế nào gọi là “lỗi”? Có thể kể ra một ít ví dụ về cách dùng từ ngữ và những cách nói cần được điều chỉnh sao cho hợp lý.

- Biểu diễn: Thay vì nói “Ca sĩ L.T. đã *biểu diễn* những ca khúc gắn liền với tên tuổi chị”, nói “Ca sĩ L.T. đã trình diễn những ca khúc gắn liền với tên tuổi chị”.

Ta không nói *biểu diễn* một bài hát, nhất là khi ca sĩ đứng yên một chỗ mà hát, không múa may nhảy nhót.

- Chúc sức khỏe: Thay vì nói “*Chúc sức khỏe!*” hoặc “*Chúc sức khỏe* anh chị!”, nói “Chúc khỏe!” hoặc “Chúc anh chị khỏe!” hoặc “Chúc anh chị nhiều sức khỏe!”

Nói “Chúc sức khỏe!” là không đủ ý (và chưa thành câu chúc), mà phải là “Chúc sức khỏe... (như thế nào?)”, chẳng hạn “Chúc sức khỏe tốt / dồi dào!” Hoặc, có thể nói “Chúc khỏe!”, “Chúc khỏe nhé!” (tương tự “Chúc vui!”, “Chúc thọ!”, “Chúc may mắn!”...).

- Chuyên môn: Thay vì nói “Cô Nga là giáo viên phụ trách *chuyên môn*”, nói “Cô Nga là giáo viên phụ trách về biên soạn tài liệu giáo khoa” (hoặc “... về hướng dẫn sư phạm”, hoặc “... về sinh hoạt học đường”, hoặc “... về sổ sách kế toán”).

Nói “phụ trách chuyên môn” là không đủ ý, vì có cả trăm thứ “chuyên môn”, người nghe không rõ là “chuyên môn” về... cái gì(?).

- Quá trình: Thay vì nói “Xin nói sơ qua về *quá trình* thực hiện một bộ phim”, nói “Xin nói sơ qua về tiến trình thực hiện một bộ phim”.

Nói “quá trình” là nói về trình tự của một diễn tiến đã kết thúc. Ví dụ: “Đơn xin việc cần ghi rõ *quá trình* học vấn”, hoặc: “Sau mười năm, nhìn lại *quá trình* hoạt động của trường”.

- Tản mạn: Thay vì nói “*Tản mạn* về tiếng Việt”, nói “Chuyện trò tản mạn về tiếng Việt”, hoặc “Mạn đàm về tiếng Việt”.

Nói “tản mạn về...” là không đúng nghĩa. Tản mạn (tính từ) chỉ có nghĩa tương tự “lan man”, “rải rác”, “tản mác”..., chứ không có nghĩa là “mạn đàm”, “phiếm luận”, “trò chuyện” (động từ)...

- Trao đổi: Thay vì nói “Sau khi *trao đổi*, chúng tôi hiểu nhau hơn”, nói “Sau khi trao đổi ý kiến, chúng tôi hiểu nhau hơn”.

Nói “trao đổi” là không đủ ý, mà cần nói “trao đổi”... cái gì(?), ví dụ: “trao đổi ý kiến / kinh nghiệm / quan niệm / hàng hóa / tù binh”...

- Trình độ văn hóa: Thay vì nói “*Trình độ văn hóa*: lớp 12”, nói “Trình độ học vấn: lớp 12”.

Muốn hỏi về quá trình học vấn hay bằng cấp của một người, câu hỏi là: “Trình độ học vấn?”.

- Tư liệu: Thay vì nói “Có thể tham khảo thêm các *tư liệu* về đề tài này ở các thư viện”, nói “Có thể tham khảo thêm các tài liệu về đề tài này ở các thư viện”.

“Tư liệu” là tài liệu riêng thuộc quyền sở hữu của cá nhân, gia đình, tổ chức..., không phổ biến đại chúng.

Những từ ngữ và những cách nói trên khá thông dụng ở trong nước và cả ở ngoài nước. Ngoài ra, có ít từ ngữ “mới” mà ý nghĩa và cách dùng chưa thống nhất, rõ ràng. “Dân oan”, chẳng hạn. Không rõ là cái “tử” này ở đâu ra, trong hay ngoài nước? Các “báo, đài” 1 ở ngoài nước có vẻ sính dùng “tử” này. Một dòng chữ đọc được bên dưới tấm ảnh, “*Dân oan* tập trung khiếu kiện trước nhà thờ Đức Bà”. Trong ảnh là đám đông tụ tập thành những nhóm dăm ba người, kẻ đứng người ngồi, chuyện trò bàn bạc chi đó. Nhiều người ăn mặc bảnh bao, mặt mũi tươi rói. “Dân oan” có khi được dùng thay cho “người dân”, có khi thay cho... “một người dân”, chẳng hạn “Lá thư kêu cứu của một *dân oan*”, hay “Một *dân oan* tỉnh Tiền Giang cho biết...” Ngày trước ta có những “dân chúng”, “dân lành”, “dân quê”, “dân nghèo”, “dân đen”..., nay lại có thêm tầng lớp mới là “dân oan” (không chừng mai đây lại có thêm “dân ức”, “dân oán”, “dân khổ”, “dân đói”...). Đến ngày nào “tuyệt đại bộ phận” 1 nhân dân được gọi là “dân oan” cả thì nhà cầm quyền cũng “mệt” đấy chứ không phải chơi.

1.2. Tiếng Hán-Việt và tiếng “nửa Hán -Việt”

Không phải từ ngữ Hán-Việt nào cũng cần và cũng có thể thay được bằng từ ngữ “thuần Việt”. Khá nhiều tiếng Hán-Việt khó mà tìm được tiếng thuần Việt nào tốt hơn hoặc tương đương để thay thế.

Một ít từ ngữ Hán-Việt thường được sử dụng trong nước có thể thay được bằng thuần Việt và... hay không kém, chẳng hạn: “đại đa số” hoặc “đại bộ phận” có thể thay bằng “phần lớn”, “phần đông”; “tuyệt đại đa số” hoặc “tuyệt đại bộ phận” có thể thay bằng “hầu hết”; “giáo trình”, “giáo án” có thể thay bằng “bài giảng”; “tham quan” có thể thay bằng “thăm”, “thăm viếng”; “thường niên” có thể thay bằng “hàng năm”; “tiếp thu” có thể thay bằng “hiểu”, “am hiểu”, “học hỏi”; “tranh thủ” có thể thay bằng “cố gắng”, “cố thu xếp”; “khẩn trương” có thể thay bằng “mau mắn”, “lẹ làng” hoặc “căng thẳng” (tùy nghĩa trong câu).

Trong khi đó, một số từ ngữ Hán-Việt được trong nước đổi sang thuần Việt khá tốt như: “cả nước” thay cho “toàn quốc”; “nhà nước” thay cho “quốc gia”; “trong nước” thay cho “quốc nội”; “ngoài nước” thay cho “hải ngoại”; “nước ngoài” thay cho “ngoại quốc”; “chữ cái” thay cho “mẫu tự”; “quý” thay cho “tam cá nguyệt” (miền Nam thuở trước có chữ này nhưng ít dùng); “tàu sân bay” thay cho “hàng không mẫu hạm”; “Lầu Năm Góc” thay cho “Ngũ Giác Đài”; “Hội Chữ Thập Đỏ” thay cho “Hội Hồng Thập Tự”.

Các ví dụ trên cũng cho thấy một điều hơi lạ, người Việt trong nước, một mặt có xu hướng thuần-Việt-hóa các từ ngữ Hán-Việt, một mặt lại sính dùng các từ ngữ này. Có vẻ như đối với những gì “trân quý” 1 hoặc muốn “phô trương thanh thế” thì họ chuộng sử dụng tiếng Hán-Việt, hoặc giữ nguyên tên Hán-Việt chứ không muốn đổi sang tiếng thuần Việt. Ví dụ: siêu đẳng, siêu thị, siêu tốc, siêu xa lộ, siêu khuyến mãi, siêu tiết kiệm, thậm chí siêu giảm giá, siêu rẻ, siêu sao, siêu mẫu, siêu quậy, siêu hot, siêu mỏng, siêu nhỏ, siêu khủng (không rõ là “khủng” gì, “khủng khiếp”, “khủng long” hay “khủng bố”?) và cả siêu xe nữa (chẳng hạn: “Siêu xe Ferrari 599 GTB đạo quanh Hồ Gươm”). Về tên riêng, các tên gọi như Thiên An Môn, Hữu Nghị Quan, Vạn Lý Trường Thành... vẫn được giữ nguyên, trong lúc Tòa Bạch Ốc (hay Bạch Cung), Ngũ Giác Đài... thì lại đổi thành Nhà Trắng, Lầu Năm Góc.

Tiếng Hán-Việt, dù muốn dù không, trở thành một “bộ phận không thể tách rời” 1

trong ngôn ngữ của người Việt. Nhiều từ ngữ Hán-Việt được sử dụng thường xuyên trong sinh hoạt hàng ngày tạo cảm giác gần gũi, thiết thân không kém gì tiếng thuần Việt. Hơn nữa, sử dụng tiếng Hán-Việt dấu sao vẫn hơn là vay mượn những tiếng nước ngoài, vì dễ nghe hơn, dễ hiểu hơn, và ít ra cũng còn được... một nửa Việt.

Bên cạnh từ ngữ Hán-Việt, một số từ ngữ “nửa Hán-Việt” (tiếng Hán-Việt và tiếng thuần Việt sánh đôi nhau) cũng được sử dụng nhiều trong nước, như: người phát ngôn, nhà văn hóa, viện chăn nuôi, in ấn (thay vì “ấn loát”), tranh cãi (thay vì “tranh luận”, “tranh biện”), truy tìm (thay vì “truy tầm”), truy đuổi (thay vì “truy nã”), truy quét, truy lùng (thay vì “truy kích”), truy hỏi, truy vấn (thay vì “truy vấn”), vụ việc (thay vì “sự vụ”), di dời (thay vì “di động”), tu sửa (thay vì “tu bổ”)...

Một “đặc trưng” 1 khác của người Việt trong nước là thích dùng những “cụm từ” văn vẻ, quanh co hoặc bóng gió (thường là để tránh “đi thẳng vào vấn đề” hoặc để làm giảm nhẹ cái xấu), như: có khả năng (có thể); tạo điều kiện (tìm cách; thu xếp); kém văn hóa (ít học); bệnh thành tích (làm láo, báo cáo hay); quyết định thôi giữ chức (quyết định từ chức/cách chức); tình hình diễn biến phức tạp (tình hình xấu đi); giao lưu tình cảm (làm quen, kết bạn tâm tình); quà biếu trên mức tình cảm (hối lộ); ùn tắc giao thông (kẹt xe); trẻ em chưa ngoan (trẻ em hư hỏng); học sinh ngồi nhầm lớp (học sinh kém trình độ, cần cho xuống lớp dưới); điều kiện kinh tế gia đình rất hạn chế (gia đình nghèo khó, mức sống chật vật)...

1.3. Tiếng Việt “cũ” và “mới”

Bên dưới là một ít từ ngữ phổ biến ở trong nước, thay cho từ ngữ hoặc cách nói tương đương (ghi trong ngoặc đơn) của người Việt ở miền Nam thuở trước. (Các từ ngữ này xếp theo thứ tự vần abc).

Ban chấp hành (thay cho “ban điều hành”), bản chất (thay cho “bản tính”), **biểu diễn** (thay cho “trình diễn”), bức xúc (thay cho “ám ức”; “bứt rứt”; “bực tức”; “nhức nhối”).

Ca từ (thay cho “lời ca”; “câu hát”), chấp hành (thay cho “thi hành”), **chất lượng** (thay cho “phẩm chất”), **chủ trì** (thay cho “chủ tọa”), **chuyên nghiệp** (thay cho “nhà nghề”), **có sức/tính thuyết phục** (thay cho “thuyết phục được”), cơ bản (thay cho “căn bản”), công nhân viên (thay cho “công chức”), **cụm từ** (thay cho “nhóm chữ”), **cực đoan** (thay cho “quá khích”), **cường điệu** (thay cho “phóng đại”).

Di dời (thay cho “di chuyển”), **dị ứng** (thay cho “phản ứng”; “khó chịu”), **diễn viên điện ảnh** (thay cho “tài tử màn bạc”), diễu hành (thay cho “diễn hành”).

Đánh giá cao/thấp (thay cho “xem là có giá trị/kém giá trị”), **đặc trưng** (thay cho “đặc điểm”), **đăng ký** (thay cho “ghi danh”; “ghi tên”), đạt yêu cầu (thay cho “đáp ứng yêu cầu”), **định kiến** (thay cho “thành kiến”), đội ngũ (thay cho “hàng ngũ”), **đột xuất** (thay cho “bất ngờ”; “ngoài dự kiến”), **đứng lớp** (thay cho “dạy lớp”; “phụ trách lớp”).

Gần gũi (thay cho “gần gũi”), **giao tiếp** (thay cho “giao tế”; “xã giao”), **giáo án** (thay cho “giáo trình”; “bài giảng”).

Hải quan (thay cho “quan thuế”), hành xử (thay cho “xử sự”), **hiện đại** (thay cho “tối tân”), **hộ chiếu** (thay cho “sổ thông hành”), **hộ khẩu** (thay cho “tờ khai gia đình”), hoành tráng (thay cho “vĩ đại”), **hội nhập** (thay cho “hòa nhập”), **hư cấu** (thay cho “tưởng tượng”).

Khẳng định (thay cho “xác định”), **khâu** (thay cho “bước”; “phần hành”; “giai đoạn”),

Kiểm tra (thay cho “kiểm soát”).

Liên hệ (thay cho “liên lạc”, “tiếp xúc”), **linh hoạt** (thay cho “linh động”).

Năng nổ (thay cho “năng động”), **nghiêm túc** (thay cho “nghiêm chỉnh”; “nghiêm trang”; “đứng đắn”), **nghiệp dư** (thay cho “tài tử”), **ngữ pháp** (thay cho “văn phạm”), **nhắc nhở** (thay cho “nhắc nhở”), nhất trí (thay cho “đồng ý”).

Phản cảm (thay cho “phản tác dụng”), **phản hồi** (thay cho “hồi đáp”), **phát hiện** (thay cho “phát giác”), **phức tạp** (thay cho “rắc rối”), phương án (thay cho “kế hoạch”).

Quá trình (thay cho “tiến trình”), quảng trường (thay cho “công trường”), quân hàm (thay cho “cấp bậc”).

Sâu sắc (thay cho “sâu xa”), sự cố (thay cho “trục trặc”; trở ngại”).

Tâm đắc (thay cho “ưng ý”; “đúng ý”), **tân mạn** (thay cho “mạn đàm”), **tập trung** (thay cho “tập hợp”), **tham gia** (thay cho “tham dự”), **tham quan** (thay cho “thăm”; “thăm viếng”), **thành danh** (thay cho “tên tuổi”), **thân thương** (thay cho “thân yêu”; “thân mến”), **thông tin** (thay cho “tin tức”), **thông tin thương mại** (thay cho “quảng cáo”), **thống nhất** (thay cho “đồng nhất”), **thu nhập** (thay cho “lợi tức”), **thuật ngữ** (thay cho “danh từ kỹ thuật”), **tiếp thu** (thay cho “tiếp nhận”), **tiết học** (thay cho “giờ học”), tính từ (thay cho “tính từ”), **tình huống** (thay cho “tình thế”; “tình cảnh”; “hoàn cảnh”), **toàn bộ** (thay cho “tất cả”), **trân quý** (thay cho “quý trọng”; “yêu quý”), **tư liệu** (thay cho “tài liệu”), **tư vấn** (thay cho “cố vấn”), **từ** (thay cho “chữ”; “từ ngữ”).

Vận động viên (thay cho “lực sĩ”), **xuất khẩu** (thay cho “xuất cảng”), xử lý (thay cho “giải quyết”)...

Những chữ in đậm (*bold*) ở đoạn trên là các từ ngữ được người Việt ở hải ngoại sử dụng nhiều trong sinh hoạt thường ngày, kể cả trong giới truyền thông, văn học (viết văn, viết báo, truyền thanh, truyền hình...) và các trường dạy tiếng Việt, khiến dần dà người ta không còn phân biệt được đâu là “tiếng Việt cũ”, đâu là “tiếng Việt mới” nữa.

Từ đó, xảy ra chuyện khôi hài, một bài báo công kích việc sử dụng “tiếng Việt mới” ở trong nước, thế nhưng trong bài tác giả lại sử dụng khá nhiều từ ngữ “mới” ấy, đại khái: “Tôi rất ‘tâm đắc’ với tác giả ‘bài viết’ ấy. Nội dung rất ‘sâu sắc’ và ‘có sức thuyết phục’. Mỗi lần đọc hay nghe những ‘từ’ ấy tôi rất ‘dị ứng’. Là người Việt phải biết ‘trân quý’ tiếng Việt ‘thân thương’ của ‘ta’...” Bài báo cho thấy người viết bị nhiễm “virus ‘tiếng Việt mới’” khá nặng, cần được điều trị.

Mỗi người có thể có những cách “đánh giá” 1 khác nhau về các “từ” của “tiếng Việt mới”. Cá nhân tôi, vẫn sử dụng các từ ngữ sau:

Dị ứng: Không dễ tìm được từ ngữ nào tương đương trong “tiếng Việt cũ” (không hẳn là “phản ứng” hay “khó chịu”). Nói: “Tôi rất *dị ứng* với cái từ ấy”, nghe giống như là ăn phải món gì đó, hoặc uống nhầm thứ thuốc men gì đó, da dễ phát ngứa, nổi mề đay, gãi sồn sột...

Bản chất: Nghe “mạnh” hơn là “bản tính”. Nói: “*Bản chất* của hẳn ta là vậy”, có nghĩa là “hẳn ta”... hết thuốc chữa. Cái gì đã thuộc về “bản chất” rồi là đã nằm trong máu trong thịt, không cách chi “cải tạo” được, chỉ có nước... thay máu.

Tâm đắc: Nghe... tâm đắc hơn là “ưng ý”, “hợp ý”.

Nhạy cảm: Nghe... nhạy cảm hơn là “dễ đụng chạm”, “dễ gây xích mích”, “dễ xa nhau”.

Tính từ: Từ ngữ chỉ về tính cách, tính chất của người, vật, sự việc (đúng hơn “tính

từ”, nghĩa tương phản với “động từ”).

Vận động viên: Đúng hơn “lực sĩ”. Nhiều vận động viên không phải là “lực sĩ”.

Các từ ngữ mới như “đối tác”, “dữ kiện”, “dữ liệu”, “phản hồi”, “truy cập”, “hiển thị”... không thấy có trong “tiếng Việt cũ” cũng thường được tôi sử dụng. Những từ ngữ “quan ngại”, “phản ánh”, “hình thành”, “đảm bảo”... không phải là “tiếng Việt mới” như nhiều người tưởng mà từng được sử dụng ở miền Nam thuở trước.

Phần này không đề cập đến những tiếng lóng hoặc ngôn ngữ đường phố (*street language*) mà “tiếng Việt cũ”, “tiếng Việt mới” gì cũng đều có.

1.4. Nói sai, hiểu đúng

“Lát nữa đây tôi sẽ trao đổi với anh,” nghe người bạn nói vậy, ta tự động hiểu là anh ta sẽ trao đổi *ý kiến* với mình (chứ không phải trao đổi... hình ảnh tài liệu, hay thứ gì khác).

“Anh có thể vào trang *web* ấy để tham khảo ít tư liệu,” nghe người bạn nói thế, ta hiểu là cả nước đều có thể tham khảo thoải mái các tài liệu ấy (chứ chẳng phải *riêng tư* gì).

Nếu ta “nhất trí” được với nhau ngôn ngữ là “công cụ truyền đạt ý tưởng và giao tiếp giữa con người” thì hai câu nói trên xem như “đạt yêu cầu” 1. Người nói muốn nói cách nào cũng được, chỉ cần người nghe hiểu được và hiểu đúng là ngôn ngữ đã hoàn thành tốt đẹp vai trò của mình.

“Tư liệu” hay “tài liệu” thì cũng chỉ là cách gọi, là cái tên con người đặt để ra. Giả sử “nhà phát minh” chữ nghĩa chỉ tay vào cái bàn và nói “đây là cái ghế” thì vật dụng ấy sẽ có tên là “ghế”.

Giả sử ta gọi “chó” là “mèo” và “mèo” là “chó” thì khi nói “chó”, người nghe sẽ hiểu đấy là con vật nuôi ở trong nhà, kêu “meo meo” và giỏi bắt chuột; ngược lại, “mèo” là con vật nuôi để giữ nhà, sủa “gâu gâu”, và thường ngoác ngoác đuôi mừng chủ đi đâu về. Mới nghe thì có vẻ ngược ngạo, nhưng nghe riết cũng thành... quen tai. Tên gì thì cũng chỉ là cái... tên.

Nhiều người Việt ngoài nước vẫn phê phán hai chữ “chất lượng” của “tiếng Việt mới”, cho rằng “lượng” không thể nào là “phẩm” được, và nói “nâng cao chất lượng” là không đúng mà phải nói “nâng cao phẩm chất”. Thực ra, không phải người Việt trong nước không biết rằng chữ “lượng” (trong từ ngữ “chất lượng”) là chỉ mức độ lớn nhỏ, nhiều ít, cân đo đong đếm được. Cũng không phải họ không biết đến hai chữ “phẩm chất”. Từ ngữ này vẫn có trong từ điển tiếng Việt của họ, và được định nghĩa “Cái làm nên giá trị của người hay vật” (và còn cho ví dụ: “Hàng kém phẩm chất”). Trong lúc “chất lượng” được định nghĩa “Cái tạo nên phẩm chất, giá trị của một con người, một sự vật, sự việc” (*Từ điển tiếng Việt*, Nhiều tác giả, Viện Ngôn ngữ học, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, 2006). Như vậy thì hai từ ngữ này có nghĩa tương tự, thế nhưng họ lại sinh dùng “chất lượng” hơn, và giải thích rằng, nói “chất lượng” là để... phân biệt với “số lượng”.

Nói gì thì nói, cái “từ” ấy (và các “từ” khác nữa của “tiếng Việt mới”) vẫn được lưu hành rộng rãi trong mọi sinh hoạt của người Việt ở hải ngoại. Các “báo, đài” vẫn cứ “đảm bảo chất lượng” lia chia, các xướng ngôn viên truyền thanh, truyền hình vẫn cứ “nâng cao chất lượng” đều đều, và vẫn cứ phát ngôn ra rả những “phát hiện”, “kiểm tra”, “tham gia”, “tham quan”, “biểu diễn”, “đăng ký”, “tập trung”, “chủ yếu”,

“tháng Một”, “tháng Bốn” (thay vì tháng Giêng, tháng Tư)... vân vân. “Khán thính giả nghe đài” thì cũng dễ dãi, ít có ai thắc mắc hay ý kiến này nọ, hoặc nếu có phản kháng thì cũng... yếu ớt, vì biết có phản kháng cũng chẳng ăn thua gì. Người nghe nghe mãi, nghe riết cũng... quen tai, và tới nay thì dù muốn dù không cũng đành chấp nhận “sống chung hòa bình”. Cũng không thể phê phán các cô xướng ngôn viên ấy được, vì các cô chỉ đọc lầu lầu các văn bản được ai đó soạn sẵn, và “ai đó” thì hầu như cũng chẳng bận tâm đến chuyện đúng sai, phải trái, “tiếng Việt mới”, “tiếng Việt cũ” của các “tử” ấy.

Trả lời các phản hồi của “thính giả nghe đài” về việc sử dụng nhiều từ ngữ “tiếng Việt mới” trong các chương trình phát thanh bằng Việt ngữ, người phụ trách chương trình này của một đài phát thanh nước ngoài giải thích, “Đối tượng của chương trình này ‘đại đa số’ 1 là thính giả ở trong nước chứ không phải chỉ là người Việt ở nước ngoài. Chúng tôi sử dụng từ ngữ thông dụng ở trong nước để việc ‘truyền thông’ đạt được hiệu quả.” “Thính giả nghe đài” chắc cũng thỏa mãn cách giải thích này nên không có ý kiến gì thêm.

[Cách gọi “thính giả nghe đài” cũng là “cụm từ” 1 của tiếng Việt trong nước. T hoạt đầu là “các bạn nghe đài”, sau đổi thành “quý bạn nghe đài” (nghe “trân quý” hơn), sau lại đổi thành “quý thính giả nghe đài” hoặc “quý khán thính giả xem đài” (lẽ ra phải là “quý khán thính giả *xem và nghe* đài”). Thế nhưng, đổi như vậy thì lại thừa ra cái đuôi “nghe đài”, “xem đài”. Những “cụm từ” này cũng được ít đài truyền thanh, truyền hình của người Việt ở hải ngoại vay mượn. Với cách dùng “từ” như thế, e rằng mai đây sẽ lại có thêm những “khán giả xem phim”, “khán giả xem kịch”, “độc giả đọc sách”, “độc giả đọc báo”... vân vân].

Thực tế, “tiếng Việt mới” và “tiếng Việt cũ” đều có những trường hợp sử dụng từ ngữ không được chính xác. Người Việt ở miền Nam thuở trước vẫn viết hoặc nói “áo lạnh” (thay vì “áo ấm”); “gái mãi dâm” (thay vì “gái mại dâm”); “đi khám bác sĩ” (thay vì “đi khám bệnh”, hoặc “đi gặp bác sĩ”)... Và người đọc hay người nghe, khi nghe “áo lạnh”, thay vì yêu cầu người nói điều chỉnh, phải... tự điều chỉnh não bộ (là nơi tiếp nhận ngôn ngữ) để hiểu rằng người nói muốn nói là “áo ấm”. Việc này có thể tạo ra chút lúng túng ở lần đầu tiên vì “sự cố” 1 có hơi bất thường; tuy nhiên, từ đó về sau thì “quá trình” tự điều chỉnh ấy sẽ trôi chảy và trở nên bình thường.

Nói sai nhưng... hiểu đúng là được, như cách nói của người Mỹ, “*That’s ok, no problem*”. Về mặt truyền đạt ý tưởng, như thế gọi là “đạt yêu cầu”.

Lê Hữu

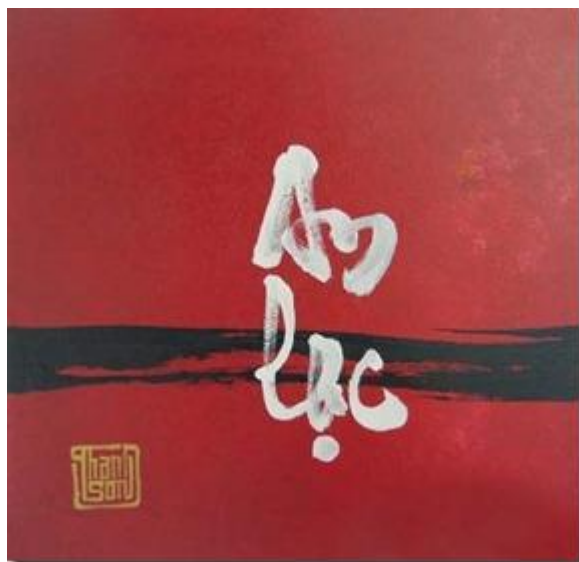


1 Từ ngữ phổ biến ở trong nước

Chỉnh sửa lần cuối bởi Photo ngày 23-10-2009 lúc 03:57 PM.

Ngôn ngữ ngậm ngùi – phần 2

Lê Hữu



An lạc, thư pháp KTS Thanh Sơn

*“Tiếng nước tôi,
bốn ngàn năm rờng rã buồn vui”
(Tình ca, Phạm Duy)*

2. Tiếng Việt ngoài nước

Những con số thống kê gần đây cho biết hiện có khoảng ba triệu người Việt sống ở ngoài nước. Hơn một nửa số này định cư tại Hoa Kỳ, nhiều nhất là ở Orange County, San Jose (Calif.), Houston (Texas). Các quốc gia khác có đông người Việt là Pháp, Úc, Canada, Campuchia...

Người Việt định cư ở nước ngoài có thể tạm phân ra làm hai đối tượng:

(1) Người Việt rời khỏi đất nước khi đã trưởng thành, thông thạo tiếng Việt, tạm gọi: đối tượng A.

(2) Người Việt sinh ra hoặc trưởng thành ở nước ngoài, không thạo tiếng Việt, tạm gọi: đối tượng B.

2.1. Quê hương trong nét bút

Đối tượng A hầu hết là người Việt sinh trưởng trong Nam và rời đất nước sau năm 1975 (vào cuối năm 1974, chỉ có khoảng 26 ngàn người Việt tại Hoa Kỳ 2). Vốn liếng tiếng Việt của nhóm này là “tiếng Việt cũ” (nếu ra đi năm 1975 hoặc không lâu sau đó), hoặc trộn chung “tiếng Việt cũ” và “tiếng Việt mới” (nếu sống khá lâu ở trong nước sau năm 1975).

Nhiều “người di tản buồn” đã ra đi gần như trắng tay, và “chúng ta đi mang theo quê hương” không hẳn là mang theo hình ảnh “con sông xưa, thành phố cũ” mà còn mang theo chút vốn liếng Việt ngữ, là tiếng nói và chữ viết của người Việt. Số vốn dự trữ ấy mang ra nước ngoài ít được sử dụng, cũng không đầu tư vào đâu được để sinh lợi, càng để lâu càng thêm hao hụt.

Phần thì hao mòn dần do ít được sử dụng, phần thì phải “hội nhập” 1 vào dòng chính là ngôn ngữ của người bản xứ, tiếng Việt ít nhiều chịu ảnh hưởng của tiếng nước ngoài. Về cấu trúc ngôn ngữ chẳng hạn, người Việt ngoài nước nói “Xin vui lòng để lại lời nhắn của bạn sau tiếng ‘beep’” (*Please leave your message after the beep*) chứ không nói “Xin vui lòng nhắn lại sau tiếng ‘beep’” như người Việt trong nước. Về việc chen tiếng bản xứ khi nói hay viết chẳng hạn, do thói quen, hoặc để tỏ ra thông thạo tiếng nước ngoài (dù chỉ là “giao lưu” 1 giữa người Việt với nhau) là thói tật khá phổ biến. Về những cách “nói chữ” chẳng hạn, như: “làm ở trường học” (mà không nói là “giáo viên”) có nghĩa là quét dọn, làm vệ sinh các phòng ốc của trường học; “làm ở nhà hàng”, “ở khách sạn”, “ở bệnh viện”... thường có nghĩa là làm công việc rửa chén bát, hầu bàn hay quét dọn phòng; “làm ở tòa báo” có nghĩa là đi bỏ báo... vân vân, phát xuất từ mặc cảm cho rằng những công việc lao động tay chân ấy được “đánh giá thấp” 1 trong xã hội.

Trong khi đó, sinh hoạt chữ nghĩa ở nước ngoài là bức tranh khá âm đạm. Một trong những cách để có được cái nhìn này là bước vào tiệm sách của người Việt. Khách yêu chữ nghĩa lác đác, thẳng hoặc một, hai người cầm hờ hững trên tay cuốn sách, tờ báo, liếc sơ qua rồi lặng lẽ bỏ xuống. Một tiệm sách quen thuộc trong khu thương xá Phước Lộc Thọ của người Việt ở Calif. năm rồi đã phải ngậm ngùi đóng cửa vì không cầm cự được lâu hơn. Ngoài ít tờ nhật báo phát hành tại các thành phố đông người Việt, hầu hết báo chí là “báo chợ” (báo phát không ở các chợ và cơ sở thương mại của người Việt, sống nhờ vào thân chủ quảng cáo). Các tạp chí chuyên về “văn học nghệ thuật” lần lượt đình bản vì người đọc (lớn tuổi) lần lượt rơi rụng như những cánh... lá vàng rơi. “Báo nói” (các chương trình truyền thanh, truyền hình) và “báo điện tử” (*online*) đánh bật “báo giấy”, “báo in” (các từ ngữ “mới” của người Việt ngoài nước). “Báo điện tử” cũng phải hay, phải hấp dẫn, phải có những sáng kiến độc đáo mới “hút” và giữ được người đọc. Nếu không, người đọc chỉ *click* một cái là nhảy sang đọc “báo” khác.

Những người còn sử dụng tiếng Việt ở nước ngoài, không chỉ nghe, nói, đọc thôi,

mà còn có nhu cầu viết nữa. Viết như một thói thúc. Viết để giải tỏa, để gửi gắm nỗi lòng mình trên trang giấy (hay trên... màn hình *computer*). Viết để tìm gặp lại chữ nghĩa tiếng Việt. Viết để đi tìm “quê hương trong nét bút”. Người Việt lớn tuổi ở ngoài nước ngày càng có xu hướng viết nhiều hơn là đọc. Những trang chữ viết ra được in ấn, đóng thành sách. “Sách ngày nay được in ra tràn lan, phần lớn do nhu cầu của người viết chứ không do nhu cầu của người đọc,” nhà văn Nguyễn Mộng Giác nêu nhận xét không mấy vui. “Tình trạng lão hóa trong sinh hoạt văn học” của người Việt hải ngoại, cách nói khá bi quan của ông, trước hết đến từ “tình trạng lão hóa trong ngôn ngữ”. Những ai còn chịu khó đọc, viết (và cả nói) tiếng Việt hầu hết ở độ tuổi đang bước vào buổi hoàng hôn của đời người. Sự mạng “tử thủ” ngôn ngữ của người Việt được đặt lên vai những “người lính già xa quê hương”. Gọi là “lính già”, vì giả sử một người rời khỏi đất nước năm 1975 ở vào độ tuổi đôi mươi (tương đối rành tiếng Việt) thì bây giờ anh/cô ta cũng đã trên 50 rồi. Những buổi “ra mắt sách”, thành phần khách tham dự hầu hết là những vị cao niên, trông giống như cuộc họp mặt của một “hội người già”.

Tháng trước tôi được một bạn văn gửi cho bộ sách có nội dung giáo dục, cổ xúy việc “gìn vàng giữ ngọc” nền tảng luân lý, đạo đức truyền thống của người Việt. Sách giá trị, biên soạn công phu, nhưng không thấy ghi giá bán. Hỏi ra, được biết một nhóm người tâm huyết bỏ nhiều thì giờ và công sức xúm nhau thực hiện, chỉ để biếu không những ai có nhu cầu. Cầm cuốn sách trên tay như cầm một nỗi chua xót, ngậm ngùi.

Người Việt ngoài nước không chỉ thèm viết mà còn thèm có người đọc mình. Trong những cố gắng cuối cùng để đi tìm người đọc, những người viết ở nước ngoài gần đây đã có lúc “cấn bút” trông vờ về “hậu phương bao la” là khối lượng nhiều triệu độc giả ở trong nước. Có vẻ như là sự lựa chọn cuối cùng sau khi đã vô phương. Có vẻ những toan tính ấy cũng không đơn giản chút nào, chưa kể được xem là một “phương án” khá “nhạy cảm”. Trong lúc chưa rõ liệu người đọc trong nước có sẵn sàng đón nhận để cầm lên tay cuốn sách của một tác giả bỏ nhà bỏ cửa biên biệt bao năm, đã phải chịu sự dò xét và “đánh giá” của một “bộ phận” 1 không nhỏ người Việt ngoài nước. “Thân phận người Việt cầm bút ở nước ngoài” đôi lúc ngán ngẫm vì nỗi phân vân ngại ngùng như kẻ đứng giữa “ngã ba đường tình”, đi thì dở, ở cũng không xong.

Giữ cho “tiếng mẹ đẻ” không bị mất đi đã là khó và đáng được “biểu dương” 1 đối với người Việt ngoài nước, nói chi đến chuyện làm đẹp làm giàu thêm tiếng Việt. Các trường Việt ngữ mở ra ở hải ngoại hầu như đều cùng một mục tiêu là “bảo tồn và phát huy” ngôn ngữ và văn hóa Việt, và hầu như chỉ đạt được một nửa mục tiêu này, nghĩa là chỉ có “bảo tồn” chứ “phát huy” thì chưa được rõ nét lắm.

Trong khi đó, việc “bảo tồn và phát huy” ngôn ngữ của... người bản xứ, mặc dù không thấy ai hô hào, cổ động, có vẻ được chú tâm hơn. Tại những cộng đồng người Việt nói tiếng Anh, ta vẫn nghe những tiếng Việt “mới” như: “OK”, “Wow!”,

chat, “bai” (bye), “xeo” (sale), “đao” (down), “điu” (deal), “dzóp” (job), “lin” (clean) “làm ‘neo” (nail), “không ‘guốc” (work), “đai-ật” (diet), “áp-lai” (apply), “lai-xàn” (license), “ken-xò” (cancel), “wíc-kèn” (weekend), “sóp-pìng” (shopping), “phân-đing” (funding)... vân vân. Những từ ngữ mới này có làm “giàu” thêm kho tàng tiếng Việt không thì... không chắc lắm, và chỉ người Việt nói người Việt hiểu với nhau thôi. Nếu phải đặt tên, có thể gọi là từ ngữ “Mỹ-Việt” (như cách gọi từ ngữ “Hán-Việt”), là tiếng Mỹ đọc theo âm Việt.

2.2. “Chỉ sợ đàn con quên Việt ngữ”

Đối tượng B, người Việt trưởng thành ở nước ngoài, có thể được xem là đối tượng quyết định về tương lai của tiếng Việt ngoài nước.

Trẻ em nước ngoài học tiếng Việt là học từ bố mẹ, thầy cô (nếu theo học các trường Việt ngữ). Học chữ nào là biết chữ ấy chứ không có ý kiến gì về “tiếng Việt cũ”, “tiếng Việt mới”. Vốn liếng khiêm tốn về Việt ngữ không đủ và không giúp các em ham thích đọc sách báo tiếng Việt hoặc tìm đến các chương trình truyền thanh, truyền hình của người Việt. Hơn thế nữa, học là học vạy chứ ít có cơ hội thực hành, hầu hết chỉ để nói chuyện với bố mẹ và những người Việt lớn tuổi không rành tiếng bản xứ. “Tiếng Việt” của các em là thứ tiếng lơ lơ, cứng cứng, nghe... tựa tựa như tiếng Việt, và thường chỉ nói được ít câu ngắn gọn.

Khi mà thế hệ thông thạo tiếng Việt mai một, ngôn ngữ ấy được thế hệ tiếp nối đặt đúng vào vị trí khiêm tốn của một sinh ngữ phụ, lâu lâu có dịp mang ra sử dụng để... không quên mình là người bản xứ gốc Việt. Hoạt cảnh các cô thí sinh hoa hậu đứng trên sân khấu phát biểu cảm tưởng bằng tiếng Việt để trả lời câu hỏi trắc nghiệm kiến thức hoặc khả năng ứng xử là một ví dụ. Các cô thường chỉ bập bẹ ít câu tiếng Việt bằng giọng đờ đờ, rồi sau đó cười cười “Em xin phép được nói tiếng Anh, vì tiếng Việt em không... rành.”

Chuyện “tiếng Việt em không rành” và chuyện giới trẻ người Mỹ gốc Việt sử dụng tiếng bản xứ là ngôn ngữ chính cũng là điều tự nhiên và dễ hiểu: các đối tượng và các môi trường chính như bạn bè, trường học, nơi làm việc và mọi quan hệ giao tiếp hầu như đều sử dụng tiếng bản xứ. Giới trẻ, ngoài một số sinh sống trong cộng đồng có đông người Việt, thường tỏ ra miễn cưỡng, kém thoải mái và không có “cảm giác ngôn ngữ” khi sử dụng tiếng Việt (không cảm thấy tiếng Việt là “tiếng mẹ đẻ” hay “tiếng nước tôi” như thế hệ bố mẹ mình). Các em cũng hiếm khi bước chân vào tiệm sách tiếng Việt, và nếu có thường xuyên lui tới thư viện cũng chỉ để tham khảo tài liệu bằng tiếng nước ngoài (thường là Anh, Pháp hoặc tiếng bản xứ). Thú tiêu khiển và sinh hoạt thường ngày của các em là sách báo, phim ảnh, các chương trình phát thanh, phát hình bằng tiếng bản xứ, các hoạt động văn nghệ, thể thao và giải trí có màu sắc văn hóa nước ngoài. Nghe một bài hát tiếng Việt chẳng hạn, các em ít thấy hứng thú vì không hiểu bài hát nói gì, hoặc có hiểu thì cũng ít thấy rung cảm, cũng vì không có “cảm giác ngôn ngữ”.

Nói cho ngay, giới trẻ ngoài nước đôi lúc cũng tạo được thành tích về chữ nghĩa làm “về vang dân Việt”, chẳng hạn “ra mắt” được những tác phẩm giá trị, gây tiếng vang rộng lớn, nói về bản sắc và nếp sống văn hóa của người Việt, hoặc kể về cuộc hành trình lịch sử đầy cam go của người Mỹ gốc Việt để có mặt trên quê hương mới này. Chỉ có điều, những tác phẩm được dư luận người bản xứ “đánh giá cao” và được giải thưởng này nọ ấy đều viết bằng... tiếng bản xứ.

Khi mà tiếng Việt chỉ đóng vai phụ mờ nhạt chứ không được thể hệ người Việt trường thành ở nước ngoài chọn làm “công cụ truyền đạt ý tưởng và giao tiếp”, tiếng Việt nếu không theo “ngày tháng tàn phai” thì cũng khó mà sống mạnh, sống hùng được.

“Chỉ sợ đàn con quên Việt ngữ / Đừng lo lũ trẻ kém Anh văn”, lời nhắn nhủ đầy tâm huyết ấy của cụ Bảo Vân Bùi Văn Bảo – một nhà giáo lão thành khả kính, đã qua đời – dường như ít được các bậc phụ huynh lưu tâm. “Quên Việt ngữ” thì “đàn con” chẳng quên đâu, có điều lắm lúc chính bố mẹ các em cũng không hiểu được... tiếng Việt của các em.

Ngoài những em có may mắn được gia đình chăm sóc kỹ và chịu khó học hỏi tiếng mẹ đẻ, vốn liếng và trình độ Việt ngữ của các em có khi không hơn kém bao nhiêu mấy anh chàng người Mỹ thỉnh thoảng biểu diễn ít câu tiếng Việt để giúp vui những bạn bè người Việt. Khi phải nói một câu tiếng Việt, các em thường phải làm công việc “chuyển ngữ” từ tiếng bản xứ (ngôn ngữ chính của các em) sang tiếng Việt ở trong đầu mình, xong rồi mới phát ra (tương tự người Việt lớn tuổi học tiếng nước ngoài). “Bố con không nhà. Con không biết khi nào thì nó về,” một em người Mỹ gốc Việt trả lời điện thoại như thế. Hoặc, “Em rất thần tượng ca sĩ L.T.” (thay vì “Ca sĩ L.T. là thần tượng của em”). “Thần tượng” vốn là danh từ nay biến thành động từ (cách này không lạ, vẫn gặp ở tiếng Mỹ), có thể xem như một từ ngữ “mới” được giới trẻ ở ngoài nước phát minh. Những “phát minh” này không nhiều lắm nên cũng không làm giàu thêm được bao nhiêu kho tàng tiếng Việt.

Với những phát minh và lối sử dụng tiếng Việt như trên của thế hệ người Việt hôm nay, có lẽ cũng không khó lắm để đoán trước được tương lai vận mệnh của tiếng Việt ở hải ngoại. Đôi lúc tôi tự hỏi, khi những bà mẹ trẻ sinh con ở nước ngoài, liệu tiếng Việt của con mình có còn gọi là “tiếng mẹ đẻ”?

3. Tiếng Việt đi đâu, về đâu?

Dân số phát triển thì ngôn ngữ cũng phát triển theo. Ngôn ngữ nào được số đông người dân trong nước sử dụng được xem là ngôn ngữ chính thống, tựa như “người ta đi mãi trên một lối thì thành ra con đường” (đường tốt, xấu thế nào là chuyện khác).

Tiếng Việt đi về đâu? Câu hỏi này có vẻ đặt ra cho người Việt ngoài nước nhiều hơn,

vì đối với người Việt trong nước thì tiếng Việt “vẫn đi bên cạnh cuộc đời”, vẫn đi bên cạnh mọi sinh hoạt bình thường của trên 85 triệu dân. Những sinh hoạt “không bình thường” của ngôn ngữ, nếu có cũng không nhiều, như là dạng chữ nghĩa khá đặc biệt của một “bộ phận” giới trẻ, gọi là “ngôn ngữ *teen*” (hay “ngôn ngữ *chat*”, hay “ngôn ngữ *online*”) bây giờ, chẳng hạn:

“*iu an wa' choj' lun!*” (Tạm dịch: “yêu anh quá trời luôn!”).

“*Hum nEj ngoj` pun` hok BiT' lem` j`, sheo ngj~ DeN' an nhiu` lem' lem', choj` ui!*” (Tạm dịch: “Hôm nay ngồi buồn không biết làm gì, sao nghĩ đến anh nhiều lắm lắm, trời ơi!”).

Dạng chữ gọi là “tiếng Việt xì-tin” này không phải là ai cũng biết “giải mã” để đọc được, hiểu được. Bên cạnh đó, có những sinh hoạt chữ nghĩa lành mạnh hơn, như nghệ thuật “thư pháp” chẳng hạn. Nhà thơ Vũ Đình Liên, nếu còn tại thế, dạo bước trên những hè phố đông người, hẳn ông sẽ ngạc nhiên và rất vui trông thấy những “ông đồ ‘trẻ’” đang “*hoa tay thảo những nét / như phượng múa rồng bay*”. Trên các tranh thư pháp ấy là những “Tiếng Việt còn, nước Việt còn”, “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”, “Sống trong đời sống, cần có một tấm lòng”... Thư pháp chất lọc những “chất ngọc” trong kho tàng tiếng Việt, từ những “lời vàng” đến những tục ngữ, ca dao, những áng thi ca của người Việt.

3.1. “Tiếng Việt cũ” đi về đâu?

Câu hỏi “Tiếng Việt cũ đi về đâu?” đôi lúc vẫn được đặt ra cho người Việt miền Nam thuở trước đang sống ở trong nước hay ngoài nước.

Dù muốn dù không, đối tượng sử dụng “tiếng Việt cũ” trong nước không có cách nào khác hơn là phải tự điều chỉnh để thích nghi và “hội nhập ngôn ngữ” với “tiếng Việt mới”. Nói gì thì nói, “tiếng Việt mới” rõ ràng là thắng thế, đẩy lùi “tiếng Việt cũ” với đa số tuyệt đối áp đảo của “đại bộ phận” 1... hơn 85 triệu người sử dụng tiếng Việt ở trong nước. Hiện trạng này vừa là “thực tế” vừa là “thực thể”, không còn phải bàn cãi. Mọi cố gắng để “bảo tồn” hay làm sống lại “tiếng Việt cũ” đều có vẻ là những cố gắng “vô ích và tuyệt vọng”.

Đối với những người Việt yêu chữ nghĩa của miền Nam thuở trước thì cái đẹp của “tiếng Việt cũ” chỉ còn là cái đẹp “vang bóng một thời”, tựa như cái đẹp ngàn năm văn vật của Hà Nội cũ, của “*ánh đèn giăng mắc muôn nơi / áo màu tung gió chơi vơi*” (“Hướng về Hà Nội”, nhạc Hoàng Dương), nay chỉ còn rớt lại nổi luyến tiếc ngậm ngùi.

Chỉ riêng chuyện văn chương chữ nghĩa, như những ca sĩ “cũ” chỉ hát cho lớp thính giả “cũ” nghe, những tác giả “thành danh” ở miền Nam thuở trước, nếu không thích ứng được thời đại mới, không hội nhập được “tiếng Việt mới”, không thay đổi cách viết, gồm cả thay đổi ngôn ngữ và “tư duy” 1 mới, sẽ chỉ còn được một ít độc giả “cũ” rơi rớt lại, hoặc... không còn độc giả.

“Những người viết mới”, ngày trước ta có “cụm từ” ấy thì ngày nay cũng có một đối tượng độc giả mới gọi là “những người đọc mới” mà những người viết “cũ” không thể không quan tâm nếu muốn những gì mình viết ra còn có người đọc. Những cây bút trào phúng của miền Nam thuở trước chẳng hạn, nếu không đổi cách viết, nếu vẫn dùng những “thuật ngữ” trào phúng cũ (như “sức mảy”, “chịu chơi”, “bỏ đi tám”, “đằm giao chỉ”, “tuyệt cú mèo”...) mà không chịu cập nhật bằng những thuật ngữ mang tính thời sự và hiện đại, sẽ không còn “ăn khách” nữa vì “những người đọc mới” sẽ không hiểu và không thấy khôi hài. Ví dụ nói “chuyện dài nhân dân tự vệ” hoặc “chuyện muôn đời lục quân Việt Nam” thì không ai hiểu gì cả, nhưng nói “chuyện thường ngày ở huyện” thì nhiều người hiểu được.

Điều an ủi là các từ ngữ “tiếng Việt cũ” thế nào cũng còn tìm thấy được trong các bộ tự điển tiếng Việt về sau này, với chú thích là... “từ cũ” hay “từ cổ”. Dù sao, việc “tử thủ” ngôn ngữ “tiếng Việt cũ” của những “người lính già” cũ ng là hành động dửng dưng đáng ca ngợi, và ít ra cũng đã “can trường trong chiến bại” (mượn cái tựa sách của cựu Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại). Nói là nói vậy, thực tế đây không phải là chuyện “ai thắng ai”, mà là chuyện tiếng Việt rồi sẽ phải đi đến thống nhất cách nào đó.

Đành ngậm ngùi cho “tiếng Việt cũ” từng làm nên văn hóa miền Nam Việt Nam một thời, nay chìm dần trong lãng quên. Kết luận này có thể làm một số người không vui, thậm chí không “nhất trí”, nhưng biết làm sao hơn.

3.2. Hố thẳm của ngôn ngữ

“Hố thẳm” ở đây không mang ý nghĩa tương tự “hố thẳm của tư tưởng” như một tựa sách của nhà văn Phạm Công Thiện, cũng không mang ý nghĩa bí ẩn, màu nhiệm nào của ngôn ngữ, mà là hố sâu của chia cách.

Tôi có cô em họ rất “dị ứng” với hai chữ “thân thương”. Mỗi lần xem chương trình ca nhạc DVD, thấy ca sĩ nào đó phát ngôn “T.L. rất trân quý sự ủng hộ của quý khán thính giả thân thương dành cho T.L.” là cô ấy bực mình, bấm *remote control* rượt cô ca sĩ ấy “chạy như tên bắn” để nghe ca sĩ tiếp theo hát. Khi tôi hỏi vì sao cô lại ghét bỏ hai chữ ấy đến thế thì cô không giải thích rõ, chỉ nói, “Tại sao mình có những chữ ‘thân yêu’, ‘quý trọng’, ‘yêu dấu’ rất là hay, rất là tình cảm mà không chịu dùng, lại dùng chi ba cái chữ ‘thân thương’, ‘trân quý’, ‘dấu ái’, nghe... dễ quạu.”

Những người khác có thể bị dị ứng bởi những chữ khác như “bức xúc”, “báo cáo”, “đột xuất”, “sự cố”... Những tình cảm yêu, ghét này không có duyên cớ chính đáng, thế nhưng đánh đổ chúng không dễ dàng chút nào.

Tôi thì không yêu không ghét mà chỉ thấy những chữ ấy... vui vui, và thỉnh thoảng tôi có đưa những từ ngữ ấy vào sinh hoạt thường ngày:

“‘Nhất trí’ hai tay hai chân, giá nào cũng chơi!”

“‘Báo cáo’ là vụ này không có tôi à ghen.”

“Làm gì có chuyện bồ bịch, chỉ là ‘giao lưu tình cảm’ thế thôi.”

“Có chuyện gì ‘bức xúc’ mà mặt mũi nặng chịch vậy?”

“Cô em này trông ‘chất lượng’ quá cỡ!”

Nghe những cách nói ấy thì ai cũng hiểu là... diều.

Công bằng mà nói, bên mình có những từ ngữ “khe khẽ”, “nhẹ nhàng”, “êm ả”, “gần gũi”, “lạ lùng”... (từ ngữ láy, một chữ có nghĩa, chữ kia chỉ là đệm vào cho xuôi tai chứ chẳng có nghĩa gì cả) thì cũng phải cho người ta có “khẽ khàng”, “im ả”, “yên ắng”, “gần gũi”, “lạ lẫm”... chứ. Bất người ta phải giống mình thì kể cũng hơi... khó tính. Những từ ngữ ấy, theo tôi, làm phong phú thêm ngôn ngữ và làm “dày” thêm bộ tự điển tiếng Việt.

Sự chia cách trong ngôn ngữ không giống như những cách ngăn có giới tuyến, mà là những rào cản vô hình, bằng bạc trong đời sống, trong nếp suy nghĩ, trong thái độ, cử chỉ và trong cung cách đối xử với nhau, khiến con người không cảm thấy “gần” nhau được. Cùng một màu da, cùng chung tiếng nói, cùng một chữ viết, nhưng lại “bất đồng ngôn ngữ”. Nghe thì có vẻ mâu thuẫn, nhưng lại là chuyện thường tình khi mà mâu thuẫn là một trong những nét “đặc trưng” 1 của người Việt.

Ngôn ngữ là dụng cụ, ta vẫn nghe vậy. Cũng là thanh gươm ấy, có người múa lên những đường kiếm đẹp mắt, tuyệt chiêu, có người múa may vụng về, quờ quạng. Nhưng nếu tước bỏ thanh gươm ấy đi, hoặc không còn giấy, bút để viết lách, hoặc con người câm và điếc cả thì liệu ngôn ngữ có ý nghĩa gì? Miệng lưỡi không còn thốt ra tiếng nói, tai không còn nghe những lời yêu hay ghét, liệu người ta có còn “dị ứng” vì những chữ nghĩa nghe chướng tai, có còn bắt bẻ vì chữ này dùng sai, chữ kia dùng đúng? Ngôn ngữ khi ấy là gì? Là câm lạng như bức tranh không lời nhưng nhiều... ý? Là nói bằng ánh mắt, là “*những con mắt người tình / ám như lời hỏi han*”, hay “*những con mắt thù hận / cho ta đời lạnh căm*” (“Những con mắt trần gian”, nhạc Trịnh Công Sơn)? Là nói bằng trái tim, như những kẻ yêu nhau ngồi bên nhau cả buổi, không nói năng câu gì mà... nói rất nhiều?

Những chuyện hay dở, đúng sai, phải trái ấy kết cục không đi đến đâu cả. Rõ ràng chữ nghĩa chỉ là sản phẩm con người, chỉ là do con người “ché” ra. Vậy mà con người đôi lúc “đánh giá cao” ngôn ngữ, thậm chí mang “bệnh sùng bái” ngôn ngữ, sùng bái vật mà mình nặn ra, khiến ngôn ngữ “lên đời” 1, khiến trở nên “phức tạp”. Ngôn ngữ cần phải thoát ra ngoài, vượt lên trên những tranh chấp, phe phái, những định kiến, thiên kiến, những yêu và ghét. Cần phải trả ngôn ngữ về với ngôn ngữ, về đúng vị trí và chức năng của nó, như nó đã từng.

Trong số những ý kiến về chuyện người Việt cần thống nhất việc sử dụng tiếng Việt có đề nghị xúc tiến thành lập một “hàn lâm viện” ngôn ngữ. Mặc dù mọi người hoàn toàn nhất trí “trên nguyên tắc” về đề nghị này, chuyện “hàn lâm viện tiếng Việt” đến nay vẫn chỉ là nói... cho vui và “huề vốn”, tựa như cách nói “Chuyện ấy sau này lịch sử sẽ phán xét”. (Lịch sử nào? Viết bởi “sử gia” của “bên” nào? Liệu có tin được tính khách quan, trung thực của người chép sử khi mà gần đây người ta đã phải lật lại những trang sử Việt từ ngàn xưa, và đặt ra những nghi vấn về tính xác thực sau khi

“phát hiện” được những sử liệu khá bất ngờ, đến phải ngỡ ngàng).

Riêng tôi chỉ dám đưa ra một đề nghị nhỏ: các nhà ngôn ngữ học và biên soạn từ điển ở cả trong và ngoài nước cùng ngồi lại làm việc để soạn ra một bộ từ điển tiếng Việt thống nhất (về chính tả, tự loại, giải nghĩa từ ngữ, các mẫu câu thông dụng...). Tất nhiên trong “quá trình” biên soạn, hai bên thoải mái trao đổi ý kiến, kể cả “tranh cãi” 1 về ý nghĩa và cách dùng một từ ngữ. Riêng việc ấy thôi cũng không dễ thực hiện và e rằng cũng chỉ là chuyện... nghe qua rồi bỏ.

Mới đây, một nguồn tin cho biết, “dự án thử nghiệm dạy Việt ngữ cho người Việt Nam ở nước ngoài” của Bộ Ngoại Giao và Bộ Giáo Dục trong nước đang được xúc tiến bước đầu tại thành phố của một tiểu bang Hoa Kỳ có khá đông người Việt. Chuyện này xem ra có vẻ “nhạy cảm” và khá “phức tạp”. Cộng đồng người Việt lên tiếng nhiều về vụ này nhưng hầu như vẫn chưa thống nhất được ý kiến, nhận định cũng như chưa có phản ứng và “phương án” 1 chính thức nào để ứng phó với tình hình. Có vẻ như “hai bên” đều bối rối, và ngấm ngầm dò xét lẫn nhau. Có vẻ những diễn biến sắp tới sẽ như một hoạt cảnh dở khóc dở cười.

Phía thực hiện dự án này, về mục tiêu thì khá tốt, gọi là đáp ứng yêu cầu của “bà con có nguyện vọng được học tập để củng cố thêm tiếng Việt”, tuy không rõ phương thức tiến hành ra sao, nội dung tài liệu giáo khoa, giáo trình giáo án thế nào (đối với các môn học khá “nhạy cảm” như môn Lịch Sử chẳng hạn). Hơn thế nữa, biết dạy dỗ làm sao đây với một đối tượng học sinh người Mỹ gốc Việt, nói rặc tiếng... Mỹ. Rồi vừa dạy lại vừa phải lo đối phó với các “đồng nghiệp” không mấy dễ chịu trong cộng đồng người Việt. Mọi chuyện coi bộ không đơn giản chút nào.

Phía cộng đồng người Việt, đặc biệt là các giới chức trong ngành giáo dục, có vẻ còn dè dặt *wait and see*, vẫn án binh bất động trong lúc căng mắt theo dõi chặt chẽ từng bước tiến của đối phương, xem tình hình diễn biến thế nào để có hướng “xử lý” 1 thích ứng. Không thấy có những phản ứng gay gắt kiểu “chống văn hóa vận” hoặc tố giác đối phương có “ý đồ” 1 này nọ... Người Mỹ gốc Việt cảm thấy lúng túng để đi tới quyết định dứt khoát như thế nào đó. Hoặc tỏ thiện chí “hợp tác”, ngồi xuống uống café và làm việc chung với những người cùng một đường, chung một hướng; hoặc tỏ thái độ bất hợp tác, lạnh lùng ngoảnh mặt quay lưng, thậm chí xuất chiêu bằng những hành động phản kháng tích cực như xuống đường, biểu tình, vận động tẩy chay, ngăn chặn việc hợp tác của các gia đình người Việt, như đã từng. (Liệu phương thức “cổ điển” ấy có mang lại hiệu quả hay chỉ gây “phản cảm”, chỉ tạo thêm những phân hóa trong lòng cộng đồng người Việt). Người ta cũng chờ đợi để xem thử phản ứng của trên 80 trung tâm Việt ngữ ở Nam Calif. –nơi tập trung đông đảo người Việt nhất ở hải ngoại–sẽ như thế nào trước sự “cạnh tranh nghề nghiệp” và gây “nhiều” của “dự án thử nghiệm” đến từ trong nước này.

Chưa hết, một cái “khó” nữa là làm thế nào để giải đáp “có sức thuyết phục” những câu hỏi “tại sao” của người bản xứ (luôn khuyến khích người Mỹ gốc Việt bảo tồn

ngôn ngữ và bản sắc văn hóa truyền thống). Tại sao lại chống đối việc người Việt trong nước lặn lội qua Mỹ để dạy ngôn ngữ và văn hóa cho người Mỹ gốc Việt? Tại sao cùng một mục đích, một việc làm mà lại đối chọi nhau? Tại sao cùng một dân tộc mà lại... “khác biệt ngôn ngữ”.

Người ta nói với nhau những lời lẽ êm dịu ngọt ngào hoặc đắng cay chua xót, hoặc... găm gù, văng tục chửi thề cũng bằng thứ ngôn ngữ ấy. Người ta nói để lấp bằng hoặc để đào rộng thêm những miếng hổ cách ngăn cũng bằng thứ ngôn ngữ ấy.

Ôi ngôn ngữ thực ra là gì, có quyền năng gì mà, nói như nhà phê bình Đặng Tiến, làm cho con người gần nhau và cũng khiến cho con người xa nhau!

3.3. “**Nằm trong tiếng nói yêu thương**”

Ngôn ngữ thường được hiểu là tiếng nói và chữ viết (chưa kể điệu bộ, cử chỉ...), tuy nhiên tiếng nói có vẻ được nói đến nhiều hơn. Thứ nhất, tiếng nói (âm thanh phát ra từ miệng người) có trước, chữ viết (ký hiệu ngữ âm) đến sau; thứ hai, lời nói là “đầu mối sự giao tiếp giữa người nọ với người kia”³, nói như học giả Lê Văn Siêu. Ông cũng định nghĩa, “Nói là cái cách dùng những lời như những phương tiện để diễn tình và ý của mình, trong cuộc sống... Cuộc sống xã hội càng phức tạp, sự giao tiếp càng cần tinh tế để nhận xét tình ý của người và biểu lộ tình ý của mình, thì những cách để diễn tình ý ấy lại càng nhiều.”³ Dẫn chứng về “những cách để diễn tình ý ấy”, ông kể ra vanh vách đến cả trăm kiểu “lời ăn tiếng nói” của người Việt (phân ra làm ba nhóm chính: nói lời, nói tiếng, nói điều), có thể được gọi là những “chiêu thức” tinh diệu của môn võ “nói”. Những chiêu thức ấy thiên biến vạn hóa “nhiều cho đến vô tận”.³

Đọc những trang sách diễn giải về các chiêu thức ấy của học giả Lê Văn Siêu, tôi “phát hiện”¹ một điều: người Việt mình... nói nhiều quá, có lẽ trên thế giới không có dân tộc nào “nói” nhiều đến thế. Ai cũng muốn nói, không ai muốn nghe, nên chẳng ai nghe ai, nên chẳng ai hiểu ai. Liệu đây có phải là một trong những nguyên nhân dẫn đến “bất đồng ngôn ngữ” (dấu cùng chung tiếng nói)?

(Những người đóng vai MC không chuyên nghiệp thường tỏ ra lúng túng và đau khổ không biết làm cách nào để thu hồi cái *microphone* từ tay một diễn giả “đột xuất”¹ nhảy lên sân khấu nói tràng giang đại hải bất kể “quý khán thính giả” bên dưới có muốn nghe hay không. Những diễn giả quyết tâm “tử thủ” cái *microphone* như vậy có khá nhiều trong cuộc sống quanh ta).

Bao nhiêu “chiêu thức” biến hóa ảo diệu ấy là bấy nhiêu kiểu cách nói năng của người Việt. Nói gần nói xa, nói ngắn nói dài, nói hay nói dở, nói vắn vè nói vụng về..., nói gì thì nói cũng chỉ toát lên một ý. “Bắt” được cái ý đó là “hiểu” được đối tượng. Thế nhưng, ngôn ngữ đã có những lúc trở nên thừa thãi, vô tích sự, khi mà con người không còn muốn nghe, không còn muốn đọc nhau nữa. “Dụng cụ ngôn

ngữ” đành xếp xó.

Có phải ngôn ngữ sau cùng không là gì cả? Tiếng thông reo vi vu, tiếng suối chảy róc rách, tiếng sóng vỗ rì rào, những thanh âm ấy thực ra là gì? Có phải là “ngôn” đâu, cũng làm gì có “ngữ”. Vậy mà nghe chúng, ta nghe hồn mình lắng xuống, nghe lòng mình dịu lại, và muốn quên, quên hết. Những thanh âm ấy nghe như tiếng nhạc, và âm nhạc cũng là thứ ngôn ngữ thân thuộc của người Việt. Từ đời thuở nào người ta đã từng nói với nhau bằng thứ ngôn ngữ ấy.

“Một ngày kia tôi chạm tay vào đất / Một ngày kia tôi sẽ hiểu lòng tôi / Một ngày kia tôi sẽ đến bên Người / Để cất tiếng chào, ‘Việt Nam ơi!’”

Những câu ấy được “chuyển ngữ” từ lời của bài hát “*Bonjour Vietnam*”. Bài hát ấy, giọng hát mềm mại ấy cất lên ở trong nước, đã rất được tán thưởng. Nhiều người Việt không hiểu được tiếng Pháp, chỉ nghe giai điệu ngọt ngào, chỉ nghe giọng hát êm dịu của cô ca sĩ và những tiếng “Việt Nam” ngân lên ở cuối bài hát cũng đủ nghe xúc động. Nỗi xúc động ấy cũng đến từ mối “đồng cảm” dành cho cô gái người Bỉ gốc Việt sống bao nhiêu năm ở nước ngoài vẫn giữ mãi trong tim tình yêu quê hương.

Phạm Quỳnh Anh, cô gái ấy không nói được tiếng Việt, nhưng có sao đâu, cô đã “nói” bằng giai điệu của bài hát ấy. Và thứ ngôn ngữ ấy cũng đã làm cho bao người nghe cô phải ứa nước mắt.

“Giá mà cô ấy hát bằng tiếng Việt thì tuyệt quá!” một người bạn tôi nói thế. Tôi hiểu, đối với người yêu tiếng Việt và yêu những bài hát của người Việt, nghe bài hát ấy cũng tương tự như xem phim nói về đất nước Việt Nam do người nước ngoài thực hiện. (Tác giả bài hát “*Bonjour Vietnam*” là ca nhạc sĩ *Marc Lavoine*, người Pháp). Cũng là tình yêu quê hương, cũng là nỗi niềm hoài hương, nghe người Việt nói với người Việt vẫn “thấm” hơn là nghe người nước ngoài nói hộ “tiếng lòng”.

*“Quê hương ơi! / Bóng đa ôm đàn em bé / nắng trưa im lìm trong lá... Quê hương ơi!
/ Tóc sương mẹ già yêu dấu / tiếng ru nỗi niềm thơ ấu / cánh tay êm tựa mái
đầu...”* (“Tình hoài hương”, nhạc Phạm Duy)

Nhiều lắm những bài hát tả tình tả cảnh về lòng yêu quê hương. Có một cách bày tỏ lòng yêu quê hương khác mà người ta không phải nhắc đến hai chữ “quê hương” (không phải nói “Quê hương ơi!...” hay “Quê hương là...” thế này thế kia), mà nghe “rất quê hương”. Người ta chỉ nói về lòng yêu tiếng Việt.

Nằm trong tiếng nói yêu thương

Nằm trong tiếng Việt vấn vương một đời

Sơ sinh lòng mẹ đưa nôi

Hồn thiêng đất nước cũng ngồi bên con...

(“Nằm trong tiếng nói”, thơ Huy Cận)

Những câu thơ ấy bất giác gọi cho người ta nhớ đến câu hát quen thuộc, với chút

ngõ ngang. Tiếng thơ, tiếng nhạc sao như không hện mà gặp, sao như cùng chung tiếng nói, sao như cùng chung tiếng lòng!

“*Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời... / Tiếng nước tôi, tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi...*” Ngày xưa người ta từng hát câu ấy, ở ngoài nước người ta từng hát câu ấy, và bây giờ, ở trong nước người ta cũng hát câu ấy. Câu hát, bài hát của người nhạc sĩ từng bị “dị ứng” trong những năm dài chiến tranh, sau cùng đã nghe cất lên trên đất nước không còn chiến tranh.

Nghe Đ.T., một ca sĩ trẻ ở trong nước, hát say mê bài “Tình ca” 4 ấy với giọng thiết tha, nồng nàn, người ta không khỏi có chút nghĩ ngợi. Khi mà mọi người Việt, trong nước ngoài nước, đều hát chung một câu hát, một bài hát; hơn thế nữa, cùng chia sẻ những cảm xúc về một bài hát, dường như người ta cảm thấy dễ chịu hơn, gần gũi hơn. Cùng chia sẻ mối đồng cảm, hiểu theo nghĩa nào đó, là chia sẻ cách nghĩ cách nhìn, là chia sẻ những mối ưu tư, những nỗi niềm trăn trở.

Bao giờ cho đến bao giờ, những con người cùng chung tiếng nói, cùng một chữ viết không còn nữa những “bất đồng ngôn ngữ”, để cho ngôn ngữ không phải... ngậm ngùi.

Lê Hữu

1 Từ ngữ phổ biến ở trong nước

2 Đỗ Tăng Bí, *Dòng nhập cư vào Hoa Kỳ của người Việt Nam*, Nhật báo *Người Việt*, Calif. 16/3/2005

3 Lê Văn Siêu, *Nói nghĩa là gì?* Tạp chí *Văn*, Đặc san Nghiên cứu và Phê bình văn học, Saigon, tập 1/1967, tr. 12-13 (tài liệu của văn hữu Lại Quảng Nam do tòa soạn tạp chí *Da màu chuyển*)

4 Đức Tuấn hát *Tình ca* Phạm Duy,